

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105/2024/DS-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2024
“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu huỷ di chúc và huỷ quyết
định cá biệt”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, mở phiên tòa trực tuyến, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, điểm cầu thành phần là trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 548/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu huỷ di chúc thừa kế và quyết định cá biệt”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2406/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Ngọc T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn N, Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Dương Quốc T1, sinh năm 1975; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1974; có mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N1: Ông Văn Đình P; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Quốc L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bà Dương Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

3. Ông Hồ Sỹ H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Bùi Thị N2; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

5. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Quang T2, chức vụ: Công chức địa chính UBND xã; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Ngọc M, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai các đương sự và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn ông Dương Ngọc T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Bố mẹ ông T là cụ Dương Ngọc B và cụ Vũ Thị T3 có 04 người con gồm: Ông T, bà Dương Thị D, ông Dương Quốc L và ông Dương Quốc T1; khi còn sống các cụ được thừa hưởng 01 thửa đất tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An do ông bà, tổ tiên để lại. Ngày 20/10/2003, UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), số W668381 vào sổ cấp số: 544 QSDĐ/917/2002/QĐUB thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 447, gồm 200m² đất ở, 410m² đất vườn. Đến ngày 10/11/2012 đính chính: Thửa số 447, tờ bản đồ số 8 thu hồi 146,4m² đất ở theo Quyết định số 3805/QĐ.UBND ngày 19/10/2010, diện tích còn lại 53,6m² đất ở và 410m² đất vườn (nay là thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m²) mang tên: Hộ bà Vũ Thị T3.

Năm 1980 cụ B chết, ngày 29/8/2016 các con và cụ T3 đã làm văn bản phân chia thừa kế nhường toàn bộ số tài sản trên cho mẹ là cụ Vũ Thị T3. Năm 2017 cụ T3 bị bệnh ung thư đến ngày 12/01/2019 thì chết. Sau khi cụ B chết thì cụ T3 ở một mình, mọi khoản sinh hoạt, thuốc thang, chữa bệnh, xây dựng nhà cửa, tài sản trên đất do một mình ông T chu cấp, thanh toán. Hiện tại vợ chồng ông Dương Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1 đang sử dụng nguyên trạng 01 ngôi nhà cấp 4, 02 gian gắn với các tài sản trên đất do nguyên đơn bỏ tiền ra xây dựng cho cụ T3 sử dụng từ năm 2011. Sau khi cụ T3 chết, nguyên đơn mới phát hiện thửa đất trên đã được cấp

GCNQSDĐ cho vợ chồng ông T1, bà N1, trong hồ sơ cấp đất có Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 có nội dung nhường toàn bộ tài sản trên cho vợ chồng ông T1, bà N1. Theo nguyên đơn di chúc trên là do vợ chồng ông T1 lập giả tạo vì tháng 12/2018 cụ T3 bệnh rất nặng, tình trạng sức khỏe đã suy kiệt, không tỉnh táo, nhiều lần phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Q. Ngày 10/12/2018 cụ T3 đang nhập viện tại Bệnh viện đa khoa huyện Q nên không thể lập di chúc trên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- + Hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An do UBND huyện Q cấp cho vợ chồng ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1.

- + Phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (trước đây là thửa số 8, tờ bản đồ 447, diện tích 53,6m² đất ở, diện tích 410m² đất vườn theo GCNQSDĐ số W668381 do UBND huyện Q cấp ngày 20/10/2003, cập nhật biến động ngày 10/11/2012 mang tên hộ bà Vũ Thị T3) cho các đồng thừa kế.

- + Buộc vợ chồng ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 thanh toán cho nguyên đơn chi phí về xây dựng, sửa chữa các công trình mà hiện nay ông T1, bà N1 đang sử dụng nguyên trạng, ước chừng số tiền: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tương ứng giá trị các tài sản: 01 ngôi nhà cấp 4, 02 gian gắn với phòng bếp và khu vệ sinh; toàn bộ sân, tường bao do ông T bỏ tiền ra xây dựng cho mẹ sử dụng từ năm 2011.

- + Hủy Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 để lại cho vợ chồng ông T1, bà N1 thửa đất 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An do vi phạm quy định của pháp luật về lập di chúc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Ngọc T rút các yêu cầu khởi kiện về:

- + Yêu cầu phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (trước đây là thửa số 8, tờ bản đồ 447, diện tích 53,6m² đất ở, diện tích 410m² đất vườn theo GCNQSDĐ số W668381 do UBND huyện Q cấp ngày 20/10/2003, cập nhật biến động ngày 10/11/2012 mang tên hộ bà Vũ Thị T3) cho các đồng thừa kế.

- + Yêu cầu buộc vợ chồng ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 thanh toán chi phí về xây dựng, sửa chữa các công trình mà hiện nay ông T1, bà N1 đang sử dụng nguyên trạng, ước chừng số tiền: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tương ứng giá trị các tài sản: 01 ngôi nhà cấp 4, 02 gian gắn với phòng bếp và khu vệ sinh; toàn bộ sân, tường bao do ông T bỏ tiền ra xây dựng cho mẹ sử dụng từ năm 2011.

- Bị đơn ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống, họ tên bố mẹ, thời gian bố mẹ chết và nguồn gốc thừa

đất 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì sau khi bố chết năm 2016, anh em đã làm văn bản phân chia thừa kế nhường toàn bộ tài sản trên cho mẹ là cụ Vũ Thị T3 toàn quyền quyết định các tài sản thừa kế trên. Khi mẹ ốm đau, trước lúc chết mẹ đã lập Di chúc ngày 10/12/2018 để lại các tài sản và thửa đất trên cho vợ chồng bị đơn, các anh em không ai có ý kiến gì, di chúc là hợp pháp nên vợ chồng bị đơn được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp GCNQSDĐ số CS 101140 ngày 20/7/2020.

Đối với yêu cầu thanh toán chi phí xây dựng, sửa chữa nhà cửa khoảng 150.000.000 đồng, tại phiên tòa ông T rút yêu cầu nên bị đơn không có ý kiến gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc L, bà Dương Thị D trình bày:*

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Dương Ngọc T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ H và bà Bùi Thị N2 thống nhất trình bày:*

Năm 2011 vợ chồng ông bà có thuê một phần thửa đất của cụ Vũ Thị T3 để làm ốt bán sắt thép, giá thuê đất là 2.500.000 đồng/năm. Sau khi thuê đất vợ chồng ông bà đã xây dựng kiốt để bán hàng. Thống nhất với kết quả định giá kiốt xây dựng là 95.000.000 đồng. Trong trường hợp phải tháo dỡ tài sản của vợ chồng đã xây dựng thì đề nghị bồi thường phần giá trị tài sản; trường hợp không phải tháo dỡ tài sản thì hai bên sẽ thực hiện theo hợp đồng và thỏa thuận riêng với nhau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C xã Q được tạo lập trải qua 4 đời do ông Dương Đình T4 sử dụng từ năm 1945 đến năm 1965 để lại cho cụ Dương Trung B1 và cụ Vũ Thị T3, đến năm 1980 cụ B1 chết, năm 2016 gia đình phân chia tài sản thừa kế thống nhất để toàn bộ tài sản trên cho cụ T3 và sau này cụ T3 có di chúc để lại cho con trai là Dương Quốc T1 và con dâu là Nguyễn Thị N1, hiện tại thửa đất nêu trên đang thuộc quyền quản lý của ông T1 cùng vợ là bà N1.

Về bản di chúc của cụ T3 ghi ngày 10/12/2018 nhưng UBND xã chứng thực vào ngày 26/12/2018, UBND xã báo cáo như sau: Khoảng đầu tháng 10/2018 ông Dương Ngọc T (con cụ T3) có ra UBND xã Quỳnh Đô xin chứng thực bản di chúc của cụ T3 nhưng tại thời điểm đó cụ T3 đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Q nên không có mặt và được UBND xã hướng dẫn chờ cụ khỏe rồi về cụ trực tiếp ký vào bản di chúc. Sau một thời gian thì ông T1 có ra UBND xã và đem theo bản di chúc của cụ T3 và có đặt vấn đề là nguyện vọng của cụ không biết sống chết khi nào hiện đang điều trị bệnh nên không thể về được nên nhờ UBND xã cho cán bộ lên tại

Bệnh viện để xác nhận chữ ký cho cụ, tại thời điểm đó ông Hồ Quang T2, công chức Tư pháp đã lên tại Bệnh viện và xác nhận chữ ký cho cụ T3, đến ngày 26/12/2018 thì trình Chủ tịch UBND xã chứng thực chữ ký trong bản di chúc, vào thời điểm đó cụ T3 đang điều trị bệnh nên không có mặt tại UBND xã. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N trình bày:*

Thông nhất các nội dung giải trình của UBND xã Q ngày 15/5/2020 và Báo cáo số 967/CV-CNVPĐK ngày 07/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q. Về nguồn gốc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C xã Q được tạo lập do ông Dương Đình T4 sử dụng từ năm 1945 đến năm 1965 để lại cho cụ Dương Trung B1 và cụ Vũ Thị T3, đến năm 1980 cụ B1 chết, năm 2003 UBND huyện cấp GCNQSDĐ mang tên hộ cụ Vũ Thị T3. Năm 2016 gia đình phân chia tài sản thừa kế thống nhất để toàn bộ tài sản trên cho cụ T3, năm 2018 cụ T3 lập di chúc để lại tài sản cho vợ chồng ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1. Do đó, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung tại Thông báo số 68/2023/QĐ-SCBSBA ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, 630, 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 98, 100, 105 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Đình chỉ nội dung khởi kiện chia thừa kế và yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng công trình trên thửa đất trị giá khoảng 150 triệu đồng.

Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Ngọc T:

+ Hủy Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 cho vợ chồng ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 về đất thổ cư và tài sản trên đất.

+ Hủy quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS101140, ngày 20/7/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tọa lạc tại thôn C, xã Q, huyện Q, Nghệ An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2023, các bị đơn ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Ông Dương Quốc T1 và ông Vân Đình P (đại diện theo uỷ quyền của bà N1) thống nhất trình bày: Thừa đất hiện nay vợ chồng ông T1 được cấp GCNQSD đất là tài sản của cha ông để lại cho bố mẹ. Sau khi bố chết, mẹ và anh em trong nhà đã họp và thống nhất bằng biên bản giao toàn bộ đất và tài sản cho mẹ được toàn quyền sử dụng nên mẹ là cụ Vũ Thị T3 đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ. Khi mẹ đau ốm, mẹ đã lập Di chúc ngày 10/12/2018 để lại toàn bộ đất và tài sản trên đất cho vợ chồng ông T1, bà N1. Khi lập di chúc thì UBND xã Q đã cử cán bộ Tư pháp đến tận Bệnh viện huyện Q để xác minh, cụ T3 lúc đó còn minh mẫn trình bày nguyện vọng và dặn dò ông T1 về việc thờ tự trong gia đình, cán bộ Tư pháp cũng thực hiện việc cho Xóm trưởng và Bí thư xóm xác nhận làm chứng sau đó mới đưa cho Chủ tịch UBND xã Q chứng thực. Như vậy, việc lập di chúc của cụ Vũ Thị T3 đã được thực hiện đúng pháp luật; nếu có sai sót thì đó là sai sót do chính quyền chứ không phải do gia đình, ý chí của cụ T3 là cho vợ chồng ông T1, bà N1 toàn bộ đất và tài sản trên đất. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên huỷ di chúc của cụ Vũ Thị T3 cho ông T1, bà N1 đất thổ cư và tài sản trên đất, huỷ GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho vợ chồng ông T1, bà N1 là không đúng; đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc T.

- Nguyên đơn ông Dương Ngọc T, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D, ông Dương Quốc L thống nhất trình bày: Tại thời điểm lập bản Di chúc ngày 10/12/2018 thì mẹ các ông là cụ Vũ Thị T3 không còn minh mẫn, không còn tỉnh táo vì cụ T3 bị bệnh ung thư từ năm 2017, tính từ thời điểm lập di chúc cho đến khi mẹ chết chỉ hơn một tháng nên không thể là ý chí của mẹ cho vợ chồng T1, N1 đất và tài sản trên đất được; mặt khác tài sản trên đất chủ yếu là do ông T góp xây dựng nên cụ T3 tự định đoạt là không đúng. Về trình tự, thủ tục lập bản di chúc thì không được thực hiện theo đúng pháp luật như bản án sơ thẩm đã nhận định và không thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của cụ Vũ Thị T3. Do đó, các ông bà không đồng ý với kháng cáo của ông T1, bà N1; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của các bị đơn ông Dương Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1 là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Xét thấy trình tự, thủ tục lập di chúc và việc chứng thực của UBND xã Q trong bản Di chúc ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 là chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, chưa thể hiện ý chí thực tế của bà Vũ Thị T3. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ bản di chúc này và huỷ GCNQSDĐ đã cấp cho ông T1, bà N1 là có căn cứ. Đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Dương Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1 là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm còn vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trên cơ sở ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ngày 11/3/2022 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản, yêu cầu thanh toán phần chi phí xây dựng sửa chữa công trình trên đất, yêu cầu hủy di chúc lập ngày 10/12/2018, hủy quyết định của cá biệt là GCNQSDĐ số CS101140 ngày 20/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho các bị đơn. Do đó, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút nội dung khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và rút yêu cầu buộc vợ chồng ông Dương Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1 thanh toán chi phí cho việc xây dựng, sửa chữa các công trình trên đất thừa kế nên bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện đã rút này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ H và bà Bùi Thị N2 về tài sản trên đất; do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp thừa kế đối với thửa đất nên bản án sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của các bị đơn ông Dương Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về xác định tính hợp pháp của bản Di chúc lập ngày 10/12/2018 của bà Vũ Thị T3:

- Về nguồn gốc thửa đất:

Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² là do tổ tiên để lại cho cụ Dương Ngọc B và cụ Vũ Thị T3 sử dụng. Năm 1980, cụ B chết năm 2003 thửa đất được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ cụ Vũ Thị T3, đến năm 2016 cụ T3 và các con lập văn bản phân chia di sản thừa kế, thống nhất để lại tài sản là đất và tài sản trên đất cho cụ T3 được quyền sở hữu, sử dụng. Sau đó, ngày 10/12/2018 cụ T3 lập di chúc cho con trai Dương Quốc T1 và con dâu Nguyễn Thị N1 toàn bộ đất thổ cư và tài sản trên đất; ông T1, bà N1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp GCNQSDĐ số CS101140 ngày 20/7/2020. Lời khai của các đương sự là phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc lập Di chúc:

+ Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định cụ T3 được phát hiện bị bệnh ung thư từ năm 2017, tại thời điểm tháng 12/2018 cụ T3 nhập viện cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Q nên tại thời điểm lập di chúc (ngày 10/12/2018) cụ T3 không đến, không có mặt tại UBND xã Q để ký di chúc.

+ Theo ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 trình bày thì cụ T3 có bản di chúc viết tay có nội dung cho vợ chồng ông bà đất và tài sản trên đất nhưng ông T1, bà N1 không xuất trình được tài liệu chứng minh. Ông T1, bà N1 trình bày bản Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ T3 do ông Hồ Quang T2 (nguyên là cán bộ Tư pháp xã Q) đánh máy tại trụ sở UBND xã sau khi ông T2 đã đến Bệnh viện đa khoa huyện Q nghe cụ T3 trình bày ý nguyện nhưng ông Hồ Quang T2 trình bày bản di chúc này do vợ ông T1 tự đưa lên UBND xã Q xin xác nhận sau khi cụ T3 ký vào bản di chúc khoảng 16 ngày và thừa nhận do ông T1 nhờ nên ông có đến Bệnh viện đa khoa huyện Q để xác nhận di chúc của cụ T3, sau đó ông đưa về cho ông T5 - Chủ tịch UBND xã Q ký chứng thực. Ông Dương Văn G và ông Cù Chính Q trình bày các ông không chứng kiến việc cụ T3 ký vào bản di chúc mà di chúc do ông Hồ Quang T2 đưa cho các ông ký. Ông Hồ Quang T6 (nguyên là Chủ tịch UBND xã Q) thừa nhận cụ T3 không ký di chúc trước mặt khi ông ký chứng thực mà bản di chúc do ông Hồ Q1 T2 đến Bệnh viện đa khoa huyện Q để chứng kiến cụ T3 lập di chúc, sau đó đưa về cho ông chứng thực vào ngày 26/12/2018. Do đó, tại phần chứng thực của bản di chúc ghi cụ Vũ Thị T3 có mặt tại UBND xã Q để ký trước mặt của người ký chứng thực là không đúng thực tế và việc cụ T3 lập di chúc cũng không được thực hiện trước mặt ông Dương Văn G và ông Cù Chính q (những người ký trong bản di chúc). Ông T1, bà N1 khai bản di chúc này được lập tại Bệnh viện đa khoa huyện Q nhưng bản di chúc này không có xác nhận của Bệnh viện đa khoa huyện Q.

+ Như vậy, bản Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 là di chúc vừa

có người làm chứng, vừa là di chúc có chứng thực của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nhưng việc làm chứng của người làm chứng trong bản di chúc và việc chứng thực của UBND xã Q không được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; vi phạm các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 630, Điều 634, Điều 635, khoản 1 Điều 636, khoản 3 Điều 638 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Nghị định số 75/NĐ-CP/2000 ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Do đó, bản án sơ thẩm xác định bản Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 không hợp pháp và tuyên hủy là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu hủy quyết định cá biệt là GCNQSDĐ số CS101140 ngày 20/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 13, diện tích 516,2m² tại thôn C, xã Q, huyện Q, Nghệ An:

Như đã phân tích tại mục [2.1], bản Di chúc lập ngày 10/12/2018 của cụ Vũ Thị T3 có nội dung cho ông Dương Ngọc T và bà Nguyễn Thị N1 đất thổ cư và tài sản trên đất là vô hiệu nên việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp GCNQSDĐ cho ông T1 và bà N1 là chưa đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên hủy GCNQSDĐ số CS101140 ngày 20/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho ông Dương Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1 là có căn cứ pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Các bị đơn ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của các bị đơn ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung tại Thông báo số 68/2023/QĐ-SCBSBA ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Ông Dương Quốc T1 và bà Nguyễn Thị N1 mỗi người phải phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền ông T1, bà N1 đã

nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004344 và số 0004345 cùng ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng